

Số: 132/2020/QĐST-DS

Châu Thành, ngày 25 tháng 8 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH - BẾN TRE

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đào Chí Cường.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phạm Thị Em.

2. Ông Nguyễn Tổng Nê.

Căn cứ vào các Điều 212, 213, 235 và 246 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 40/2020/TLST-DS ngày 21 tháng 02 năm 2019.

XÉT THẤY:

Tại phiên tòa các đương sự đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án và thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

Nguyên đơn:

Ông Trần Ngọc T, sinh năm 1966.

Địa chỉ: Số 155, ấp L, xã G1, huyện C, tỉnh Bến Tre.

Bà Đỗ Thị Ngọc M, sinh năm 1971.

Địa chỉ: Số 155, ấp L, xã G1, huyện C, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:

Anh Trần Thanh G, sinh năm 1978.

Địa chỉ: ấp Q, xã S, huyện C, tỉnh Bến Tre, theo văn bản ủy quyền ngày 02/12/2019.

Bị đơn:

Anh Huỳnh Quang Tiên T, sinh năm 1983.

Địa chỉ: Số 45, tổ 3, ấp L, xã G1, huyện C, tỉnh Bến Tre.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Anh Huỳnh Quang Tiên T có nghĩa vụ có nghĩa vụ mở cho ông Trần Ngọc T, bà Đỗ Thị Ngọc M một lối đi có diện tích là 62,3m² thuộc thửa đất số 616, tờ bản đồ 10, tọa lạc tại ấp L, xã G1, huyện C, tỉnh Bến Tre, lối đi có tứ cận cụ thể như sau:

Bắc giáp thửa đất số 117, 563 tờ bản đồ 10;

Nam giáp phần còn lại thửa đất số 616, tờ bản đồ 10;

Đông giáp thửa đất số 128;

Tây giáp thửa đất số 131.

(Có họa đồ thửa đất kèm theo là một bộ phận không thể tách rời của bản án).

Ghi nhận ông Trần Ngọc T, bà Đỗ Thị Ngọc M tự nguyện thực hiện nghĩa vụ bồi thường cho anh Huỳnh Quang Tiên T số tiền 175.000.000đồng (Một trăm bảy mươi lăm triệu đồng).

Kể từ khi có đơn yêu cầu thi hành án của anh T cho đến khi thi hành án xong, ông T còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Tuyên bố hạn chế quyền sử dụng đất của anh Quỳnh Quang Tiên T đối với phần diện tích làm lối đi mà anh T phải có nghĩa vụ mở cho ông Trần Ngọc T, bà Đỗ Thị Ngọc M được quyền sử dụng, giới hạn chiều cao lối đi là 04m tính từ mặt đất.

Ông Trần Ngọc T, bà Đỗ Thị Ngọc M có quyền sử dụng hạn chế quyền sử dụng đất của anh Huỳnh Quang Tiên T đối với phần lối đi được quyền sử dụng và tuân theo các điều kiện đảm bảo trong quá trình sử dụng đất của các bên mà pháp luật quy định.

Ông Trần Ngọc T, bà Đỗ Thị Ngọc M có quyền đăng ký việc xác lập theo quy định của pháp luật về đất đai quyền sử dụng đất hạn chế đối với lối đi như Quyết định của bản án.

Buộc anh Huỳnh Quang Tiên T có nghĩa vụ thực hiện nghĩa vụ cắt, phá bỏ, tháo dỡ, di dời hàng rào lưới B.40, trụ bê tông cốt thép, dừa, chuối và hệ thống tưới nước có trên phần diện tích đất mở lối đi để mở cho ông Trần Ngọc T, bà Đỗ Thị Ngọc M một lối đi có diện tích là 62,3m².

Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Trần Ngọc T, bà Đỗ Thị Ngọc M phải có nghĩa vụ liên đới chịu số tiền 8.750.000đồng, tính theo phần mỗi người có nghĩa vụ chịu số tiền 4.375.000đồng nhưng do ông T là người có công với cách mạng được miễn án phí; bà Đỗ Thị Ngọc M có nghĩa vụ nộp đủ số tiền 4.375.000đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001133 ngày 15/02/2019 và 300.000đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0003116 ngày 11/4/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, bà M có nghĩa vụ nộp tiếp số tiền 3.775.000đồng.

Về chi phí tố tụng khác: Ông Trần Ngọc T, bà Đỗ Thị Ngọc M tự nguyện chịu số tiền 3.469.000đồng và đã nộp xong.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có

quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre (01b);
- VKSND H.Châu Thành (01b);
- Chi cục THADS H.Châu Thành (01b);
- Các đương sự (03b);
- Lưu hồ sơ vụ án (01b).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đào Chí Cường